

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỶ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Trinh; ông Lê Văn Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thạch – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Điệp - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số:14/2024 ngày 20 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ánh N, sinh ngày 01 tháng 03 năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Anh Dương Công T, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh

(Vắng mặt không có lý do)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: - Ngân hàng TMCP Đ (B1).

Địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội

Người được ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Anh T1; chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng TMCP Đ (B1), chi nhánh N3. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà Đặng Thị T2, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023, trong bản tự khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh N trình bày:

Chị Phạm Thị Ánh N và anh Dương Công T kết hôn với nhau vào ngày 21 tháng 10 năm 2009, tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận được 11 năm, sau đó nhiều xung đột, cãi vã nhau, mỗi người một quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không chia sẻ kinh tế gia đình dẫn đến xích mích nặng nề và trầm trọng, dần dần tình cảm của chị N không còn dành cho anh T, mâu thuẫn không thể khắc phục được, hiện tại vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2023 cho đến nay, chị N đã về nhà mẹ đẻ tại thôn Đ, xã K, huyện K sinh sống và không còn ai quan tâm ai nữa. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N đề nghị được ly hôn với anh Phạm Công T3.

Về con chung: Chị Phạm Thị Ánh N và anh Dương Công T có 02 con chung là cháu: Dương Khánh N1, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2012, Dương Phạm Khánh L, sinh ngày 14/11/2016

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, Chị Phạm Thị Ánh N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Khánh N1, Giao cháu Dương Phạm Khánh L cho anh Dương Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N1, cháu L tròn 18 tuổi. vì từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay con chung Khánh Nam ở với chị N và do chị N nuôi dưỡng còn cháu Khánh L thì ở với anh T và do anh T nuôi dưỡng. Chị N là nhân viên cán bộ Quỹ tín dụng Khang Đ, nên có thu nhập ổn định mỗi tháng 15.000.000, chị N đề nghị, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản: Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023, trong bản tự khai Chị và anh Dương Công T có một số tài sản chung gồm: 01 Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DE 910130, mang tên Dương Công T và Phạm Thị Ánh N đối với thửa đất số 599, tờ bản đồ số 52, diện tích 173,4 m², địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;. 01 Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 366613, mang tên Dương Công T và Phạm Thị Ánh N đối với thửa đất số 72A, tờ bản đồ số 31, diện tích 170,3 m², địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh. 01 Xe Ô Tô nhãn hiệu Toyota, loại xe Inova, năm sản xuất 2010, mang biển kiểm soát: 38A195.23. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị N, do vợ chồng không tự thống nhất thỏa thuận được cho nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về tài sản chung của vợ chồng nhưng đến ngày 20/04/2024 chị N và anh T đã thống nhất thỏa thuận được tài sản chung cho nên chị N đã làm đơn rút yêu cầu của mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Tại thời điểm thụ lý, vợ chồng có một số nợ chung gồm:

Khoản vay 1.700.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N3, theo Hợp đồng tín dụng số 01.03/2022/14532350/HĐTD ngày 06/06/2023. Khoản vay 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh N3, Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2023/14532350/HĐTD ngày 12/6/2023. Khoản vay 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tại Quỹ tín dụng nhân dân G do vợ chồng nhờ mụ Đặng Thị T2 đứng vay; Hợp đồng số 2023.0389 ngày 20/07/2023. Nhưng vợ chồng đã tất toán xong các khoản vay trên trước ngày 23/05/2024, cho nên chị N đã làm đơn rút yêu cầu đề nghị Tòa án không giải quyết về nợ chung của vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 05 năm 2024, Biên bản hòa giải ngày 02 tháng 07 năm 2024 anh Dương Công T trình bày: Anh T thống nhất về việc kết hôn như lời trình bày của chị N. Quá trình chung sống do trong cuộc sống giữa vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, tình cảm chị N có nhiều thay đổi. Anh Dương Công T4 xét thấy tình cảm của anh đối với chị N không còn nhưng lý do thì anh T4 không giải thích được và do đạo làm người không cho phép, nên anh T4 không đồng ý ly hôn như yêu cầu của chị N, việc chị N đơn phương ly hôn thì tự giải quyết theo cách riêng của chị N, anh T4 cũng không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh Dương Công T thống nhất có hai con chung, như chị N trình bày. Anh Dương Công T không đồng ý nguyện vọng về nuôi con chung của chị N. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung cháu Dương Khánh N1, Dương Phạm Khánh L, vì anh trường không muốn việc tách rời các con ra khi vợ chồng không mang đến được hạnh phúc gia đình cho các con. Hiện tại công việc của anh T làm nghề tự do Thu nhập của anh T mỗi tháng bình quân 5.000.000đ, nhưng anh T vẫn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con, hơn nữa anh T đang có nhà ở để nuôi nuôi dạy các con sinh sống và ăn học. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cùng anh.

Về tài sản: Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 05 năm 2024, Biên bản hòa giải ngày 02 tháng 07 năm 2024 anh Dương Công T trình bày vợ chồng có số tài sản chung như chị N đã nêu, vợ chồng đã tự thống nhất thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T đồng ý như ý kiến của chị Phạm Thị Ánh N, vợ chồng đã trả toàn bộ số nợ chung trên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Dương Công T quá trình giải quyết vụ án anh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt cả hai phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ánh N được ly hôn với anh Dương Công T.

- Về con chung: Giao cháu Dương Khánh N1 cho chị Phạm Thị Ánh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, Giao cháu Dương Phạm Khánh L cho anh Dương Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ ngày bản lý hôn của Tòa án có hiệu lực cho đến khi cháu N1, cháu L tròn 18 tuổi. Chị N, anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai, chị N, anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom chung không được ai cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung của nguyên đơn.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Công T cư trú tại: Thôn T, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Dương Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 05 năm 2024, Biên bản hòa giải ngày 02 tháng 07 năm 2024 anh Dương Công T trình bày rõ nội dung yêu cầu của mình. Tòa án triệu tập anh T để xét xử vụ án đến lần thứ 2 nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa Chị N và anh T là hoàn toàn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 21 tháng 10 năm 2009. Sau khi kết hôn chị N và anh T có cuộc sống hạnh phúc, hai người yêu thương giúp đỡ nhau, xây dựng gia đình ngày càng hạnh phúc, quá trình chung sống vợ chồng cũng có những lúc va chạm, rạn nứt tình cảm từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt, nhưng cả hai bên đều cố gắng để níu kéo hạnh phúc, nhưng tình cảm vợ chồng chồng kéo dài cho đến tháng 6 năm 2023 thì mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân do không có tiếng nói

chung trong cuộc sống, không chia sẻ kinh tế gia đình dẫn đến xích mích nặng nề và trầm trọng. Từ đó hai người sống ly thân, không liên quan đến cuộc sống của nhau. Nay chị N đã không còn tình cảm với anh T và nhất quyết ly hôn với anh T. Mặc dù anh T đã không còn tình cảm với chị N. Nhưng do đạo làm người không cho phép nên anh T không đồng ý ly hôn như yêu cầu của chị N, việc chị N yêu cầu ly hôn thì tùy ý chị N quyết định anh T không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị Ánh N và anh được ly hôn với Dương Công T là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Xét nguyên vọng nuôi con của Chị Phạm Thị Ánh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Khánh N1, Giao cháu Dương Phạm Khánh L cho anh Dương Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Thực tế cho thấy, từ khi chị N, anh T ly thân đến nay đã hơn một năm, cháu Dương Khánh N1 ở với chị N tại nhà ông bà ngoại (bố mẹ đẻ chị N), cháu gắn bó tình cảm với mẹ và ông bà ngoại, phát triển rất tốt về thể chất và tinh thần. Còn đối với cháu Phạm Khánh L ở với anh T và do anh T nuôi dưỡng và giáo dục, cháu cũng gắn bó tình cảm với bố và bà nội, phát triển tốt mọi mặt. Cháu Dương Khánh N1 có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với chị N. Chị N làm việc ở Quỹ tín dụng Giang Đ có thu nhập ổn định 15.000.000/tháng. Anh T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu, vì không muốn tách hai nhau ra. Anh T làm nghề tự do thu nhập 5.000.000/tháng. Cháu Dương Khánh N1 có đơn nguyện vọng muốn được ở với chị N. Cháu Dương Phạm Khánh L có đơn nguyện vọng muốn ở với anh T. Hội đồng xét xử xét các yêu cầu của đương sự, xét các điều kiện thực tế và nguyện vọng của các cháu, để đảm bảo các cháu tiếp tục phát triển tốt về thể chất tinh thần, ổn định học tập, sinh hoạt. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để giao cháu Dương Khánh N1 cho chị Phạm Thị Ánh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi; Giao cháu Phạm Khánh L cho anh Dương Công T là trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền thăm nom con chung mà không được ai cản trở là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị N, do vợ chồng không tự thống nhất thỏa thuận được cho nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về tài sản chung, nhưng đến ngày 20/04/2024 chị N và anh T đã tự thống nhất thỏa thuận được tài sản chung. Chị N đã làm đơn rút yêu cầu của mình, đề nghị Tòa án không phân chia tài sản chung. Anh T cũng đề nghị Tòa án không phân chia tài sản chung.

Về nợ chung: Chị N, anh T, Ngân hàng TMCP Đ (B1), chi nhánh N3 cùng thống nhất là trả xong tất cả các khoản nợ chung cho nên chị N đã làm đơn rút yêu cầu của

mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia nợ chung. anh T, Ngân hàng TMCP Đ (B1), chi nhánh N3 cũng không yêu cầu Tòa án không giải quyết về các khoản nợ này, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Ánh N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6, Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ánh N. Xử cho chị Phạm Thị Ánh N được ly hôn anh Dương Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Khánh N1; Sinh ngày: 18 tháng 10 năm 2012 cho chị Phạm Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N1 tròn 18 tuổi; Giao cháu Dương Phạm Khánh L, sinh ngày 14/11/2016: cho anh Dương Công T trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu L tròn 18 tuổi. Chị N và anh T không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Chị N, anh T, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không được ai ngăn cản, cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của nguyên đơn của chị Phạm Thị Ánh N. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả nợ chung vợ chồng của nguyên đơn chị Phạm Thị Ánh N. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Xử buộc chị Phạm Thị Ánh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 60.850.000đ (Sáu mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án

phí số 0005542 ngày 06 tháng 03 năm 2024. Nay chị Phạm Thị Ánh N được trả lại 60.550.000đ (Sáu mươi triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) trong số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ánh N và anh Dương Công T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn: Chị N;
- Bị đơn: Anh T;
- VKS ND huyện Kỳ Anh;
- VKS ND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Kỳ Giang, huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Dũng